

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2017/DS-ST
Ngày: 22/9/2017
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
dân sự mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Minh Tú**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Lương Thị Kim Vân**
2. Lê Thị Ngọc Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thanh Mai** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 22/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2017/TLST- DS ngày 11/4/2017 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 145/2017/QĐST-DS, ngày 01/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G.**

Đại diện theo pháp luật: Anh **Ngô Tấn Đ** – Chức vụ: Trưởng Ban quản trị/Chủ nhiệm.

Địa chỉ: ấp 1, xã Y, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bi đơn: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp 3, xã Y, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bùi Văn R**, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp 3, xã Y, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

* Đại diện Hợp tác xã có mặt, bà H, ông R vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 24/3/2017, đồng thời tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn là ông Ngô Tấn Đ trình bày:**

Ngày 14/11/2014 tại Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G có ký hợp đồng số 91 với hộ bà Nguyễn Thị H, ông R về việc sản xuất và bao tiêu thu mua lúa theo thỏa thuận giống lúa Jamine, độ lẫn không vượt quá 7%. Sau khi ký hợp đồng, Hợp tác xã cho hộ bà Nguyễn Thị H tạm ứng là 32.000.000 đồng, trong đó

10.696.000 đồng là tiền lúa giống Hợp tác xã đứng ra bảo lãnh mua cho hộ bà H, số tiền bà H nhận được vào ngày 14/11/2014 từ Hợp tác xã là 21.304.000 đồng. Hai bên Hợp tác xã và bà H thống nhất ghi trong hợp đồng là 32.000.000 đồng. Đến khi cắt lúa (thu hoạch) thì Công ty đã lấy mẫu chung để kiểm tra và thông báo cho Hợp tác xã, lúa của bà H, ông R không đạt chất lượng theo như hợp đồng hai bên đã ký kết là tạp chất và lượng độ lẫn vượt quá 12%; nên Công ty TNHH TMDV và xay xát lúa gạo Cẩm Nguyên không đồng ý mua lúa nữa nên Hợp tác xã cho bà H, ông R bán lúa cho thương lái bên ngoài để trả tiền tạm ứng lại cho Hợp tác xã. Việc lúa không đạt chất lượng do lỗi của bà H, ông R canh tác không đúng cách không phải lỗi của Hợp tác xã.

Hộ bà H trả được cho Hợp tác xã 10.000.000 đồng, còn nợ số tiền 22.000.000đồng.

Bên cạnh đó, đại diện Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G xác định số tiền 22.000.000 đồng mà hiện nay hộ bà H đang nợ Hợp tác xã là tiền tạm ứng chi phí sản xuất chứ không phải là số tiền đặt cọc mua bán lúa, trong hợp đồng ký kết giữa hai bên không có quy định nếu Hợp tác xã không mua lúa của hộ bà H thì phải chịu mất số tiền tạm ứng chi phí sản xuất. Trong sự việc này hợp tác xã trực tiếp ký kết hợp đồng mua bán (bao tiêu lúa Jasmine) lúa với hộ bà H chứ Công ty Cẩm Nguyên không trực tiếp ký hợp đồng với hộ bà H nên Công ty Cẩm Nguyên không có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp giữa Hợp tác xã với Công ty Cẩm Nguyên thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Trong hợp đồng bao tiêu lúa tươi Jasmine số 70 đại diện bên B ghi ông Bùi Văn R, nhưng khi ký tên vào Hợp đồng là bà Nguyễn Thị H. Vì Hợp tác xã ghi tên người đại diện trong hợp đồng dựa trên danh sách bom tươi (ông R đi đăng ký danh sách bom tươi. Hợp tác xã căn cứ vào danh sách này, diện tích và năng suất ông R khai để ký hợp đồng với các hộ nông dân). Thật ra, khi ký hợp đồng số 91 và nhận tiền tạm ứng với Hợp tác xã chỉ có bà H (bà H ký tên vào danh sách nhận tiền).

Cột ghi “thực nhận số tiền” trong danh sách nhận tiền tạm ứng công ty – tiền hỗ trợ giống- trả tiền nhân công thể hiện số tiền bà H nhận được từ Hợp tác xã (vì đã trừ số tiền mua lúa giống lúc trước)

Nay Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G yêu cầu Nguyễn Thị H, Bùi Văn R phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Hợp tác xã số tiền tạm ứng là 22.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, Hợp tác xã không yêu cầu gì thêm.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn R đã được triệu tập và tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ý kiến. Do đó, Tòa án không thể ghi nhận phần trình bày của bà Nguyễn Thị H, Bùi Văn R.**

****Các tài liệu, chứng cứ các bên đương sự cung cấp:***

Nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ:

- 01 Hợp đồng bao tiêu lúa tươi Jasmine (bản sao)
- 01 Biên bản ngày 17/3/2015 (bản chính)
- 01 Biên bản họp dân trong việc tiêu thụ lúa giống Jasmine với Hợp tác xã ngày 3/2/2015 (bản sao)
- 01 Danh sách nhận tiền tạm ứng công ty – tiền hỗ trợ giống- trả tiền nhân công thể hiện số tiền bà Phượng nhận được từ Hợp tác xã (bản sao)
- 01 đơn xin xác nhận hộ khẩu ngày 20/7/2017 (bản chính)
- 01 Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 10/2/2015 (bản sao)
- 01 Biên bản v/v tiêu thụ lúa Jasmine 85 vụ Đông Xuân 2014-2015 ngày 03/02/2015 (bản sao)

* Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nên không thể xem xét các tình tiết, sự kiện trong vụ án mà các đương sự thống nhất, không thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã yêu cầu bà H, ông R phải trả tổng số tiền theo hợp đồng bao tiêu lúa tươi Jasmine số 91 vào ngày 14/11/2014 là 22.000.000 đồng. Các căn cứ nguyên đơn cung cấp cho thấy hai bên có ký với nhau hợp đồng mua bán lúa. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Địa chỉ của bị đơn Nguyễn Thị H, địa chỉ ở ấp 3, xã Y, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng mua bán giữa các đương sự là hợp đồng có kỳ hạn; căn cứ vào quy định tại Điều 149; Điều 429 và Điều 688 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện đối với các nguyên đơn trong vụ án này vẫn còn.

[4] Đại diện của Hợp tác xã xác định trong vụ án này Công ty Cẩm Nguyên không có liên quan gì và không yêu cầu đưa Công ty Cẩm Nguyên vào tham gia tố tụng trong vụ án; nếu có tranh chấp thì họ sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Ngoài ra, bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn R đã được thông báo, tổng đạt và triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Trong hợp đồng bao tiêu lúa tươi Jasmine số 70 đại diện bên B ghi ông Bùi Văn R, nhưng khi ký tên vào Hợp đồng là bà Nguyễn Thị H. Vì Hợp tác xã ghi tên người đại diện trong hợp đồng dựa trên danh sách bom tưới (ông R đi đăng ký danh sách bom tưới. Hợp tác xã căn cứ vào danh sách này, diện tích và năng suất ông R khai để ký hợp đồng với các hộ nông dân). Thật ra, khi ký hợp đồng số 91 và nhận tiền tạm ứng với Hợp tác xã chỉ có bà H (bà H ký tên vào danh sách nhận tiền).

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, xét thấy:

Vào ngày 14/11/2014, bà Nguyễn Thị H có ký 01 hợp đồng bao tiêu (mua bán) lúa tươi Jasmine số 91 với Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G, hai bên thỏa thuận trong hợp đồng số 70 với số tiền tạm ứng là 7.500.000 đồng; độ lẫn tối đa là 7%, khi độ lẫn cao hơn 7% thì sẽ bị trừ 1kg/1% vượt/100kg, khi độ lẫn vượt hơn 12% bên hợp tác xã có quyền từ chối không mua.

Sau khi ký kết hợp đồng, đến ngày cắt lúa thì lúa của bà H, ông R không đạt chất lượng như hợp đồng đã ký kết (cụ thể độ lẫn vượt hơn 12%) dẫn đến hai bên không thực hiện được hợp đồng. Chứng minh điều này được Hợp tác xã cung cấp biên bản v/v tiêu thụ lúa Jasmine 85 vụ Đông Xuân 2014-2015 ngày 03/02/2015; Biên bản họp dân trong việc tiêu thụ lúa giống Jasmine với Hợp tác xã ngày 3/2/2015; Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 10/2/2015 giữa Công ty Lúa gạo Cẩm Nguyên và Hợp tác xã: Công ty đã lấy mẫu lúa kiểm tra và kết quả độ lẫn và tạp chất cao hơn 12%, chất lượng lúa thu hoạch không đúng như yêu cầu nên Công ty không đồng ý thu mua lúa. Lý do của việc chất lượng lúa không đạt chất lượng đề ra do canh tác, sản xuất không đúng quy trình đã được các ông Nguyễn Tấn Đức, ông Mai Trường Sơn và ông Lê Văn Giang là những người có diện tích canh tác lớn và có ký hợp đồng mua bán lúa với Hợp tác xã xác định vào ngày 03/02/2015 tại cuộc họp giữa Hợp tác xã với các hộ dân (biên bản ngày 03/02/2015). Từ đó cho thấy, trong việc này Hợp tác xã không có lỗi.

Trong hợp đồng không quy định khi đến thời hạn thực hiện hợp đồng nếu Hợp tác xã không mua lúa thì phải chịu mất số tiền tạm ứng. Hợp đồng chỉ quy định bà H, ông R hoàn trả khoản tiền tạm ứng cho Hợp tác xã toàn bộ tiền tạm ứng khi nhận tiền.

[8] Bà H, ông R không có văn bản ý kiến hay phản bác đối với chứng cứ cũng như yêu cầu của Hợp tác xã.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Hợp tác xã.

[7] Do yêu cầu của các nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 149, Điều 227, Điều 429, Điều 430, Điều 688 Bộ luật dân sự; các Điều 26, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G.

- Bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn R phải trả cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G tổng số tiền là 22.000.000 đồng.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn R phải chịu 1.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G.

+ Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 550.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 12880 ngày 11/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Minh Tú